

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST

Ngày 13 - 11 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trọng Sơn
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Nhung – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị V, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Anh T và chị V đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2018, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn, anh Trần Văn T trình bày:

Anh và chị Lê Thị V có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Quảng Thọ, huyện Quảng Trạch (nay là phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn), tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/12/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, chị V có biểu hiện quan hệ tình cảm bên ngoài với người đàn ông khác, không chăm lo vun vén cho gia đình. Anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị V.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung tên là Trần Thị Lệ G, sinh ngày 04/11/2004 và Trần Ngọc V1, sinh ngày 30/11/2006. Sau khi ly hôn anh có

nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng nếu chị V có nguyện vọng nuôi dưỡng các con và các con có nguyện vọng ở với mẹ thì anh T đồng ý giao hai con cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh sẽ cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi các con trưởng thành.

Về tài sản chung của vợ chồng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 29/6/2018, Tòa án nhân dân thị xã B đã thụ lý vụ án về việc “Tranh chấp ly hôn” theo đơn khởi kiện của anh Trần Văn T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã B đã triệu tập và thông báo cho các đương sự đến tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị Lê Thị V không có mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được. Ngày 07/11/2018 chị V làm đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án nhân dân thị xã B. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị V trình bày: Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng dần dần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T đi làm ăn có biểu hiện ngoại tình với người phụ nữ khác, không lo lắng cho gia đình, con cái. Tòa án đã gửi các giấy triệu tập, thông báo và quyết định đưa vụ án ra xét xử về tại gia đình, gia đình đã nhận và thông báo cho chị biết. Nhưng do công việc làm liên tục, không được nghỉ, đi lại xa nên chị V không thể đến Tòa án để giải quyết ly hôn với anh T được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Về quan hệ hôn nhân chị đồng ý ly hôn với anh Trần Văn T. Về con chung, nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi các con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung của vợ chồng chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Bị đơn chị Lê Thị V không chấp hành các quy định của pháp luật, không chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Chỉ sau này, khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử chị V mới có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày rõ quan điểm của mình về vụ án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Văn T và chị Lê Thị V

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Lê Thị V

Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung Trần Thị Lê G, sinh ngày 04/11/2004 và Trần Ngọc V1, sinh ngày 30/11/2006 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Buộc anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 5.000.000 đồng kể từ tháng 12/2018 cho đến khi các con chung lần lượt đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để nuôi sống bản thân.

Về quan hệ tài sản: Không xem xét

Về án phí: Anh Trần Văn T phải nộp tiền án phí theo quy định để sung vào công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo xác định của Ủy ban nhân dân phường T thời điểm anh T làm đơn khởi kiện ly hôn với chị V thì chị V vẫn cư trú tại Tổ dân phố N, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án chị V đều không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Qua xác minh tại địa phương và gia đình ngày 20/9/2018 xác định được: Chị V vẫn sinh sống với các con tại tổ dân phố N, phường T. Tuy nhiên, sau đó, vì chị V đi làm ăn xa nên không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án được, gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và thông qua điện thoại đã liên lạc báo lại cho chị V biết. Nhưng do công việc không được phép nghỉ nhiều ngày, nên ngày 07/11/2018 chị V đã làm đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án nhân dân thị xã B. Điều đó chứng tỏ các văn bản tố tụng của Tòa án đã được tổng đạt hợp lệ cho chị V. Trước khi mở phiên tòa cả anh T và chị V đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Trần Văn T và chị Lê Thị V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị V là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc ở tổ dân phố N, phường T. Cuộc sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, vợ chồng nghi ngờ sự chung thủy của nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, không tôn trọng nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thể hàn gắn lại được vì tình cảm vợ chồng không còn. Nay anh T làm đơn ly hôn chị V và chị V cũng đồng ý ly hôn mà không có sự níu kéo nào. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn xử cho hai người ly hôn là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Hội đồng xét xử xét thấy các con chung của anh chị đều đã trên 07 tuổi, đều có đơn trình bày nguyện vọng được ở với chị V, và chị V cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao các con chung cho chị V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh T trình bày nếu không được nuôi con thì anh sẽ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng, chị V cũng đồng ý với mức cấp dưỡng trên. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 228; các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Văn T và chị Lê Thị V.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Lê Thị V.

3. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là Trần Thị Lệ G, sinh ngày 04/11/2004 và Trần Ngọc V1, sinh ngày 30/11/2006 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con cùng chị V mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) kể từ tháng 12/2018 cho đến khi các con chung lần lượt đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để nuôi sống bản thân.

Sau ly hôn anh Trần Văn T có quyền qua lại thăm nom con, không ai được ngăn cản.

4. Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

5. Về án phí: Anh Trần Văn T nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, để sung vào công quỹ Nhà nước. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002195 ngày 26 tháng 6 năm 2018. Anh Trần Văn T phải nộp thêm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí.

Án xử sơ thẩm, các đương quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường Quảng Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu

